

QUAN NIỆM VỀ CHỮ HIẾU TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM CỦA MỘT SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

Nguyễn Duy Hải

Đại học Văn Hiến

haind@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 4/12/2017; Ngày duyệt đăng: 7/8/2018

Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh bằng phương pháp khảo sát qua bảng câu hỏi với 300, học sinh, sinh viên, trong đó gồm: 150 sinh viên tại một trường đại học thuộc địa bàn quận Tân Phú, 75 học sinh của một trường trung học phổ thông quốc tế, 75 học sinh của một trường trung học công lập thuộc địa bàn Quận 3. Khảo sát quan niệm về chữ hiếu, các kiến thức về chữ hiếu, hành vi ứng xử liên quan đến sự hiếu thảo của học sinh sinh viên cho thấy, phần lớn học sinh và sinh viên có quan niệm về chữ hiếu phù hợp với văn hóa Việt Nam. Trong đó, những nhóm học sinh, sinh viên có quan niệm đúng về chữ hiếu thường chấp nhận sự dạy bảo của cha mẹ hơn những nhóm khác.

***Từ khóa:** chữ hiếu, đạo hiếu, quan niệm về chữ hiếu, văn hóa Việt Nam*

Students' perceptions of filial piety in Vietnamese culture: A case study in Ho Chi Minh City

Abstract

This study aimed to investigate high school and university students' perceptions of filial piety and behaviors associated with the framework of filial responsibility in Vietnamese culture. The survey was conducted in the form of questionnaires to 300 students, including 150 students at a university in Tan Phu District, 75 students at an international private high school and 75 students of a public high school in District 3. The findings showed that most high school and university students' perceptions of filial piety were compatible with Vietnamese culture. In addition, those whose perceptions were considered 'right' according to Vietnamese culture generally tend to comply with their parents' instructions more than the rest.

Keywords: filial piety, moral practice, students' perceptions, Vietnamese culture

1. Đặt vấn đề

Dân tộc Việt Nam đề cao chữ hiếu, xem đó là một chuẩn mực của con người. Trong nền văn hóa của dân tộc, từ thời các Vua Hùng đến xã hội hiện đại ngày nay, hiếu đạo là một di sản quý báu, truyền từ đời này sang đời khác. Trong hệ thống giáo dục quốc gia, ngoài sự truyền dạy về tri thức, học sinh và sinh viên còn được đào tạo trở thành người công dân tốt. Có nghĩa là vừa “thành nhân” vừa “thành danh”, thậm chí chữ “nhân” còn được xem trọng và đứng trước chữ “danh”. Bằng chứng là trong hầu hết các trường tiểu học, trung học phổ thông, trung học cơ sở trên cả nước đều có câu tục ngữ: “Tiên học lễ, hậu học văn” được treo ở những vị trí trang trọng, dễ thấy, dễ đọc là có ý nghĩa như

vậy. Muốn thành “nhân” thì chữ hiếu phải đặt lên hàng đầu, nhưng một vấn đề đang được quan tâm hiện nay là có một số bộ phận học sinh, sinh viên có sự nhìn nhận khác về chữ hiếu so với trước đây, thậm chí là khác với chuẩn mực văn hóa của dân tộc. Có thể nói điều này, vì hàng ngày trên các phương tiện truyền thông đại chúng, chúng ta dễ dàng tìm thấy những câu chuyện, những vụ án học sinh, sinh viên có hành vi ứng xử “bất hiếu” với cha mẹ. Đây là một thực trạng cần được nghiên cứu và tìm ra các nguyên nhân, cũng như biện pháp khắc phục, góp phần duy trì bền vững các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

2. Cơ sở lý luận - quan niệm chữ hiếu

Hiếu là phạm trù đạo đức của Nho giáo (Trí

Bửu, 2013). Cùng với Trung (忠), Hiếu (孝) xây dựng các quy tắc ứng xử của con người trong mối quan hệ xã hội và gia đình. Vì thế, dưới chế độ phong kiến: “Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung/ Phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu”:

(君史臣死臣不死不忠
父史子亡子不亡不孝)

Ngày nay chữ hiếu được trình bày tùy theo quan điểm của nhiều tác giả khác nhau. Với các công trình nghiên cứu *Nề nếp gia phong* của Phạm Công Sơn (2006) đã chỉ ra những yếu tố cơ bản của đạo đức gia đình như: gia phong và lễ giáo trong quan điểm đạo hiếu xưa của dân tộc Việt Nam, từ đó chỉ ra những chuẩn mực đạo đức cơ bản trong các mối quan hệ gia đình, nói lên vai trò quan trọng của đạo hiếu đối với sự trưởng thành của mỗi cá nhân cũng như sự phát triển bền vững của quốc gia. Nghiên cứu về *Vai trò của gia đình trong giáo dục thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay* của Nghiêm Sĩ Liêm (2001) cho thấy vai trò quan trọng của gia đình trong việc giáo dục thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay. Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi con người hình thành nên nhân cách đầu tiên và cũng là nơi chuyển giao những giá trị văn hóa truyền thống từ đời này sang đời khác. Việc giáo dục đạo hiếu hiện nay là rất quan trọng và cha mẹ chính là người thầy, là tấm gương cho con cái noi theo. Sự giáo dục đạo hiếu trong gia đình chính là nền tảng cơ bản để hình thành một trật tự xã hội có lớp lang để hướng con người tự giác tuân thủ các khuôn mẫu văn hóa đạo đức mà cộng đồng thừa nhận. Nguyễn Văn Lý (2000) trong nghiên cứu về *Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, cho rằng trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường bên cạnh những mặt tích cực, cũng xuất hiện những lối sống và hành vi lệch chuẩn, trái với các chuẩn mực của xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Trong đó, tác giả đề cập đến một số người trẻ hiện nay có lối sống ích kỷ, coi trọng sự tự do cá nhân và hành động không theo những khuôn mẫu truyền thống. Điều này thể hiện rõ thông qua hành vi ứng xử với các thành viên trong gia đình, với cộng đồng và rộng hơn là xã hội. Một số bộ phận người trẻ ít quan tâm đến cha mẹ, không lắng nghe lời khuyên của cha mẹ và luôn nghĩ rằng những việc làm của mình là đúng. Trong

cộng đồng, họ thường sống khép kín và chỉ “chơi” với nhóm nhỏ có cùng sở thích, xem các công việc chung của cộng đồng là trách nhiệm của người khác. Hà Thị Yên (2014), trong công trình nghiên cứu về *Những biến đổi đạo đức của gia đình truyền thống trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay*, đã tìm hiểu về sự biến đổi của đạo đức gia đình, nhất là sự biến đổi của đạo hiếu trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Tác giả nhấn mạnh đến những hành vi lệch chuẩn, không phù hợp với đạo đức gia đình, trong đó nhấn mạnh đến quan niệm sai lệch về đạo hiếu hiện nay so với trước đây. Tác giả cũng mô tả sự khác biệt về hoàn cảnh gia đình trong mối tương quan với thái độ và hành vi ứng xử của con cái với cha mẹ. Trí Bửu (2013), hành vi hiếu thảo mang tính thực tiễn theo quan niệm chữ Hiếu của nhân dân ta, đã trở thành văn hoá đạo hiếu của dân tộc ta.

Nghiên cứu quan niệm về chữ hiếu của học sinh, sinh viên trong phạm vi bài viết này được hiểu là cách hiểu về chữ hiếu; thái độ về chữ hiếu; kiến thức lịch sử có liên quan đến chữ hiếu và hành vi ứng xử với cha mẹ. Chữ hiếu ở đây được hiểu là “đạo hiếu”, hoặc sự hiếu thảo, hay là “bồn phận” của người làm con với cha mẹ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh và trên địa bàn 2 quận (quận Tân Phú và Quận 3), từ quý IV năm 2016 đến giữa quý I năm 2017, với 300 mẫu khảo sát¹ (150 sinh viên của một Trường Đại học ngoài công lập trên địa bàn quận Tân Phú, 75 học sinh của một trường phổ thông trung học quốc tế ngoài công lập, 75 học sinh trường phổ thông trung học ngoài công lập trên địa bàn Quận 3; ngoài ra còn có 4 cuộc phỏng vấn sâu).

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên các phương pháp:

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được áp dụng trong nghiên cứu này vì sự tiếp cận thuận lợi với khách thể nghiên cứu và cũng do hạn chế về kinh phí và thời gian nghiên cứu;

Phương pháp phi thực nghiệm (phương pháp nghiên cứu tài liệu): tập hợp, tổng hợp và phân tích liên quan đến chữ hiếu xưa và nay, chữ hiếu trong văn học, chữ hiếu từ các danh nhân, nhà

¹ Đơn vị cung cấp thông tin yêu cầu bảo mật danh tính

lãnh đạo, nhà thơ, nhà văn....;

Phương pháp khảo sát, lập bảng câu hỏi, gửi bảng câu hỏi, hỏi trực tiếp theo bảng câu hỏi tại 3 địa điểm trên.

Khảo sát các đối tượng với các tiêu chí đầu vào: Các mẫu được chọn sẽ khảo sát các tiêu chí: giới tính, cấp học, độ tuổi, tôn giáo, mức sống của gia đình (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg), hạnh kiểm và học lực (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007a, 2007b, 2011).

Quan niệm của học sinh, sinh viên về chữ hiếu được thực hiện theo nhóm 8 câu hỏi sau đó tổng hợp theo tần suất và tính tỷ lệ phần trăm trả lời theo các câu hỏi.

Quan niệm về chữ hiếu của học sinh, sinh viên hiện nay được khẳng định dựa trên nhóm tiêu chí với 15 tiêu chí để đánh giá một người con có hiếu. Các tiêu chí này được tổng hợp từ các câu ca dao, tục ngữ của văn hóa Việt Nam (nói về chữ hiếu, về bổn phận làm con đối với cha mẹ), từ tư tưởng thể hiện trong tác phẩm thơ ca của các nhà văn hóa được xã hội thừa nhận như Nguyễn Trãi hoặc từ các bộ luật như *Bộ luật Hồng Đức (Lê Triều hình luật*, một bộ luật mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc và có giá trị tham khảo cho đến ngày nay).

Khảo sát kiến thức về chữ hiếu của học sinh, sinh viên, dựa vào các câu ca dao tục ngữ, các danh nhân, các nhà văn, nhà thơ nhà khoa học, các vị Vua trong lịch sử Việt Nam... với câu trả lời biết hay không biết được tổng kết và trả lời

cho vấn đề học sinh sinh viên ngày nay có quan tâm đến kiến thức văn hóa lịch sử liên quan đến chữ hiếu.

Khảo sát về hành vi ứng xử liên quan đến sự hiếu thảo của học sinh, sinh viên với cha mẹ: thời gian trò chuyện với cha mẹ; nội dung trò chuyện; hành vi phản ứng với cha mẹ khi bị mắng chửi và bị phạt “đòn roi”. với các câu hỏi câu trả lời về “có” hay “không” về nội dung gì? thời gian bao lâu? đồng ý hay không đồng ý và tính tỷ lệ. Từ đó, phân tích thái độ của học sinh, sinh viên trong ứng xử với cha mẹ.

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu: Phần mềm SPSS 18.0 được sử dụng để phân tích thống kê: tỷ lệ %, bảng phân phối tần số, phần trăm tích lũy, vẽ biểu đồ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Khảo sát các đối tượng với các tiêu chí đầu vào

Tổng hợp từ 300 mẫu khảo sát các tiêu chí: Giới tính, cấp học, độ tuổi, tôn giáo, mức sống của gia đình, hạnh kiểm và học lực được trình bày ở Bảng 1.

Trong nghiên cứu này, được nhóm nghiên cứu chủ động lựa chọn để có sự cân bằng tỷ lệ về giới tính và loại cấp học. Các tỷ lệ khác như: độ tuổi, tôn giáo, mức sống gia đình, học lực và hạnh kiểm là kết quả khảo sát ngẫu nhiên từ nghiên cứu.

Kết quả tại Bảng 2 cho thấy tỷ lệ học sinh, sinh viên cho rằng hiếu là phải biết chăm sóc

Bảng 1. Giới tính, cấp học, độ tuổi, tôn giáo, mức sống của gia đình, hạnh kiểm và học lực của các đối tượng khảo sát

Giới tính	Cấp học	Độ tuổi
- Nam: 150 (50%)	- Trung học phổ thông: 150 (50%)	- Tuổi trung bình: 17,8
- Nữ: 150 (50%)	- Đại học: 150 (50%)	- Tuổi nhỏ nhất: 15
		- Tuổi lớn nhất: 24
		- Độ tuổi từ 17 trở xuống chiếm: 48%
		- Độ tuổi từ 18 trở lên chiếm: 52%
Tôn giáo	Mức sống gia đình	Hạnh kiểm và học lực
- Phật giáo: 41,7%	- Giàu: 3,7%	1. Hạnh kiểm: 2. Học lực
- Thiên Chúa: 13,7%	- Khá: 40,7%	- Tốt: 71%
- Không tôn giáo: 43,7%	- Trung bình: 53,3%	- Khá: 19,3%
- Tôn giáo khác: 0,9%	- Nghèo: 2,3%	- Trung bình: 8,7%
		- Yếu – Kém: 0,7%
		- Yếu: 1,0%

4.2. Quan niệm của học sinh, sinh viên về chữ hiếu

Tần suất và tỷ lệ học sinh, sinh viên quan

niệm về chữ hiếu theo nhóm câu hỏi 1 trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Quan niệm của học sinh, sinh viên về chữ hiếu

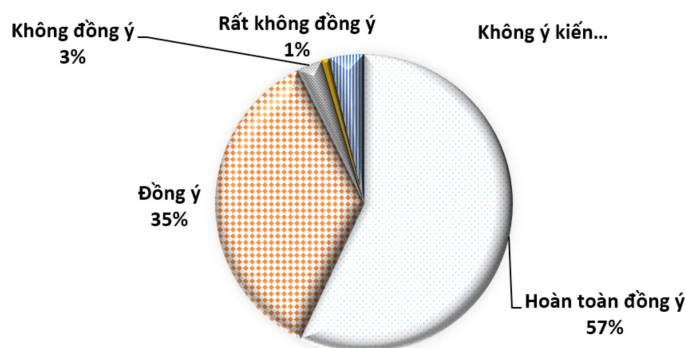
Nhóm câu hỏi 1: trả lời về quan niệm chữ hiếu	Tần suất	Phần trăm (%)
Biết lắng nghe lời dạy, biết thấu hiểu và cảm thông với cha mẹ	113	38,4
Chăm sóc cha mẹ lúc ốm đau bệnh tật, lúc về già, luôn thương yêu và lễ phép với cha mẹ	135	45,9
Phụ giúp các công việc nhà cho cha mẹ theo khả năng	38	12,9
Học hành chăm ngoan	34	11,6
Làm cho cha mẹ vui lòng, không làm cha mẹ buồn	46	15,6
Trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội khiến cha mẹ tự hào	39	13,3
Không trả lời hoặc không biết	85	28,9
Khác	9	3,1

cha mẹ lúc ốm đau bệnh tật, lúc về già, luôn thương yêu và lễ phép với cha mẹ chiếm tỷ lệ cao nhất với 45,9%. Sinh viên, học sinh cũng chọn lựa hiếu là phải biết lắng nghe lời dạy, biết thấu hiểu và cảm thông với cha mẹ. Một vấn đề đáng chú ý là có đến 28,9% học sinh, sinh viên không trả lời hoặc không biết ý nghĩa về chữ hiếu.

Nhóm câu hỏi thứ 2 được nhóm nghiên cứu khẳng định thêm quan niệm về chữ hiếu của học sinh, sinh viên hiện gồm 15 tiêu chí:

1. Vâng lời cha mẹ
2. Chăm sóc cha mẹ lúc ốm đau, bệnh tật, khi cha mẹ già yếu
3. Thường xuyên thăm hỏi cha mẹ
4. Trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội
5. Phụ giúp cha mẹ các công việc trong gia đình phù hợp với sức lực

6. Không vi phạm pháp luật
 7. Không làm cha mẹ buồn phiền
 8. Làm cho cha mẹ vui và tự hào
 9. Khuyên can cha mẹ không làm điều xấu ác, vi phạm pháp luật
 10. Khuyên cha mẹ làm điều tốt, biết giúp đỡ người khác
 11. Bảo vệ danh tiếng cho cha mẹ
 12. Hòa thuận với anh chị em trong gia đình
 13. Hiếu thảo với ông bà, anh chị và người thân trong gia đình
 14. Trở thành người công dân gương mẫu, có danh tiếng trong xã hội
 15. Yêu thương, giúp đỡ người nghèo khó
- Kết quả khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên về các tiêu chí đánh giá người con có hiếu được trình bày ở Hình 1.

**Hình 1.** Ý kiến của học sinh, sinh viên về các tiêu chí đánh giá người con có hiếu

Hình 1 cho thấy tỷ lệ học sinh, sinh viên hoàn toàn đồng ý (57%) và đồng ý (35%) chiếm đa số. Các tỷ lệ không đồng ý (3%), rất không đồng ý (1%) và không có ý kiến (4%) chỉ là thiểu số, không đáng kể.

Kết quả tại Bảng 2 và Hình 1 thể hiện, học sinh, sinh viên có quan niệm về chữ hiếu phù hợp với văn hóa dân tộc. Bởi vì trong bộ luật *Lê Triều hình luật* hay được gọi là *Bộ luật Hồng Đức*, một bộ luật từ thời phong kiến nhưng đến nay vẫn được xem như tinh hoa văn hóa của dân tộc tại điều 90 cũng đã dành trang để bàn luận về gia đình, trình bày cụ thể nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ, ông bà: “Đạo làm con phải hiếu kính với cha mẹ, khi tuổi già phải sớm khuya phụng dưỡng, không được thiếu thốn, cũng không được bắt buộc cha mẹ làm việc khó nhọc mới cấp cho ăn uống. Việc tế tự và tang chế thì phải căn cứ vào lễ cúng, như thế mới hết đạo làm con” (Nguyễn Q. Thắng, 2000). Trong tác phẩm *Gia Huấn Ca* (Nguyễn Trãi, 2017) ông đã đề cao chuẩn mực về cách ứng xử của con người, nhất là giữa những thành viên trong gia đình. Trong đó, chữ hiếu được nhấn mạnh rất rõ:

“Dù nội ngoại bên nào cũng vậy,
Đừng tranh dành bên ấy, bên này,
Cù lao đội đức cao dày,
Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng.”
(Nguyễn Trãi, 2017)

Hay như, phạm làm con đối với cha mẹ:
“Khi ẩm lạnh ta hầu sẵn sóc
Xem cháo cơm thay thế mọi bề
Ra vào thăm hỏi từng khi
Người đả vô sự ta thì an tâm.”
(Nguyễn Trãi, 2017)

Như vậy, nếu xem những tư tưởng về đạo hiếu trong tác phẩm *Gia Huấn Ca* và *Bộ luật Hồng Đức* vừa nêu ở trên là một trong những hệ tư tưởng đại diện cho văn hóa của dân tộc. Chúng ta có thể thấy các quan niệm của học sinh và sinh viên khá gần với tư tưởng văn hóa dân tộc về chữ hiếu.

4.3. Kiến thức về chữ hiếu của học sinh, sinh viên

4.3.1. Học sinh, sinh viên biết câu ca dao, tục ngữ nói về chữ hiếu

Tổng hợp từ bảng hỏi điều tra về việc biết ca dao, tục ngữ nói về chữ hiếu đối với 300 học sinh, sinh viên: số lượng biết (205), không biết

(95).

Kết quả nghiên cứu về sự hiểu biết các câu ca dao, tục ngữ của Việt Nam nói về chữ hiếu cho thấy: có đến 68,3% cho rằng mình biết và một tỷ lệ không nhỏ cho rằng mình không biết với 31,7%. Liên quan đến vấn đề này, có tới 73,4% học sinh sinh viên biết câu ca dao, tục ngữ và được coi là ưa thích nhất chính là câu:

“*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*”.
(Ca dao dân gian)

Một số câu ca dao, tục ngữ khác chiếm phần còn lại với tỷ lệ 26,6%. Trong đó tiêu biểu (với 16,6%) như:

“*Cá không ăn muối cá wòn
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư*”
(Tục ngữ dân gian)

4.3.2. Biết về danh nhân văn hóa, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, danh tướng Việt Nam nói về chữ hiếu

Tổng hợp từ bảng hỏi điều tra về việc biết về danh nhân văn hóa, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, danh tướng Việt Nam nói về chữ hiếu đối với 300 học sinh, sinh viên: số lượng biết (26), không biết (274).

Để tìm hiểu sâu hơn kiến thức về chữ hiếu, câu hỏi được đặt cho học sinh, sinh viên là có biết danh nhân văn hóa, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học và danh tướng Việt Nam chỉ dạy về điều hiếu thảo của con cái với cha mẹ (trả lời tối đa 3 người). Mặc dù phạm vi được mở rộng khá nhiều nhưng tỷ lệ trả lời có biết chiếm tỷ lệ khá thấp, chỉ với 8,7%, tỷ lệ không biết chiếm số lượng lớn với 91,3%. Đáng lo ngại, trong số học sinh, sinh viên trả lời biết có những trường hợp trả lời chưa đúng hoặc thậm chí không phân biệt được đó không phải là người Việt Nam. Cụ thể, tên danh nhân văn hóa, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, danh tướng Việt Nam chỉ dạy về chữ hiếu¹: Hồ Chí Minh (6), Nguyễn Du (3), Nguyễn Đình Chiểu (7), Nguyễn Trãi (1), Khúc (Hiền Thục, Trịnh Công Sơn, Khổng Tử,...) (13)

Từ kết quả trên cho thấy: Vẫn có những học sinh, sinh viên trả lời đúng và hiểu câu hỏi khi đề cập đến: Hồ Chí Minh; Nguyễn Du; Nguyễn Đình Chiểu; Nguyễn Trãi. Nhưng có 13 trên

¹ Câu hỏi tối đa 3 ý lựa chọn, nên tổng số ý kiến có thể nhiều hơn số trường hợp trả lời biết

tổng số 30 ý kiến trả lời những nhân vật không phải là danh nhân văn hóa, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, danh tướng của Việt Nam chỉ dạy về chữ hiếu (như: ca sĩ Hiền Thục). Thậm chí, có cả những nhân vật là người nước ngoài như Khổng Tử (người Trung Quốc).

Tiếp tục tìm hiểu về kiến thức của học sinh và sinh viên có biết đến các vị vua (tối đa 3 người) nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam hiếu thảo với cha mẹ. Kết quả cho thấy có đến 96,3% (298 trường hợp) trả lời không biết. Chỉ có 3,7% (11 trường hợp) trả lời có biết. Lịch sử Việt Nam với hơn ngàn năm văn hiến, có rất nhiều vị vua được ghi lại trong lịch sử về sự hiếu thảo với cha mẹ. Và các tác phẩm lịch sử này không khó để tìm thấy trên thị trường hoặc trên các trang mạng internet. Nhưng hầu hết học sinh, sinh viên trong nghiên cứu này trả lời không biết, chứng tỏ sự quan tâm đến kiến thức lịch sử, văn hóa dân tộc chưa xác đáng.

Trong số 13 học sinh, sinh viên trả lời biết về tên các vị vua nổi tiếng về sự hiếu thảo với cha mẹ trong lịch sử Việt Nam, hầu như tất cả đều trả lời đúng (Tự Đức: 4, Trần Nhân Tông: 1, Lý Thái Tổ: 4, Hùng Vương thứ 7 (Lang Liêu): 2), chỉ một số ít trường hợp trả lời sai (Phạm Ngũ Lão: là danh tướng thời nhà Trần hay Mai An Tiêm không phải là vua). Tuy nhiên, nhìn chung về cơ cấu tỷ lệ biết và không biết cho thấy có sự chênh lệch quá lớn đã chỉ ra sự thiếu

quan tâm tìm hiểu về kiến thức lịch sử liên quan đến chữ hiếu của những vị vua từ học sinh, sinh viên. Đây là một thực trạng đáng quan tâm vì người xưa đã dạy:

“Con người có tổ, có tông. Như cây có cội như sông có nguồn”

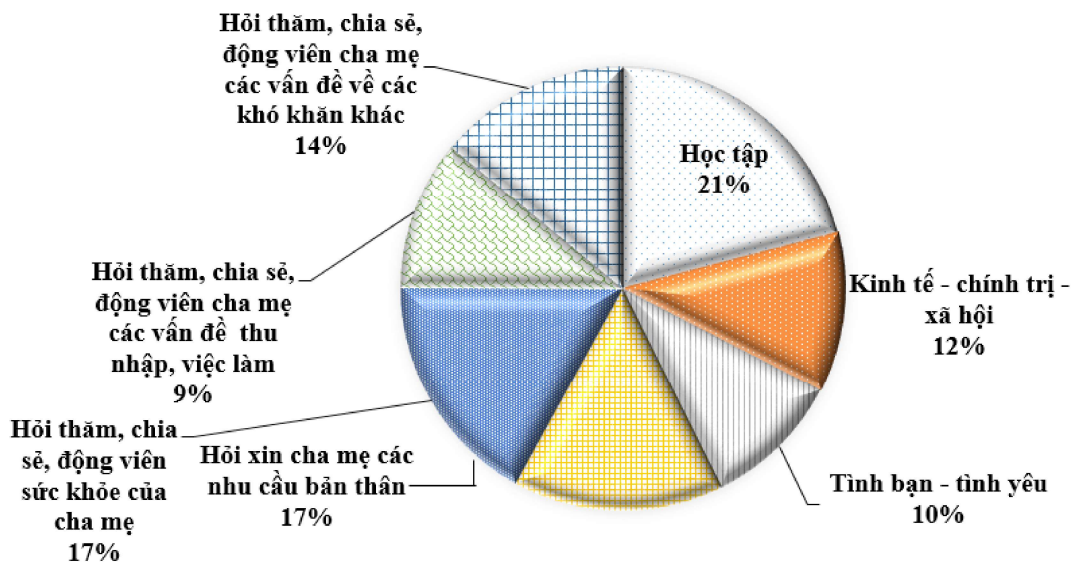
(Tục ngữ dân gian)

Cho nên, người Việt Nam, dù ở vai trò nào hoặc ở các thời điểm khác nhau phải nhớ đến lịch sử nước nhà. Một trong những danh nhân văn hóa của dân tộc, Hồ Chí Minh đã nói: *“Dân ta phải biết sử ta. Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”* (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000). Thông qua câu nói này, Bác Hồ muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc hiểu biết về lịch sử dân tộc, là sự bắt buộc với người Việt Nam.

4.4. Hành vi ứng xử liên quan đến sự hiếu thảo của học sinh, sinh viên với cha mẹ

4.4.1. Về thời gian trò chuyện

Về học sinh, sinh viên trò chuyện với cha mẹ (Hình 2) thì học tập của bản thân chiếm tỷ lệ cao nhất (21%). Kế đến, sinh viên và học sinh trò chuyện với cha mẹ các nội dung như: hỏi thăm, chia sẻ, động viên sức khỏe của cha mẹ (17%), hoặc hỏi xin cha mẹ các nhu cầu của bản thân (17%). Như vậy, nhìn một cách tổng thể chỉ có 40% học sinh, sinh viên trò chuyện với cha mẹ vì mục đích hỏi thăm, động viên và quan tâm đến các vấn đề của cha mẹ. Tỷ lệ 60% còn lại sinh viên, học sinh trò chuyện về các nội dung



Hình 2. Nội dung trò chuyện của học sinh, sinh viên với cha mẹ

có liên quan đến bản thân mình.

Nghiên cứu cho thấy trung bình học sinh, sinh viên trò chuyện với cha mẹ khoảng 87 phút một ngày. Lượng thời gian trò chuyện nhiều nhất xuất hiện trong nghiên cứu là 420 phút (cá biệt). Trong khi đó, có những học sinh và sinh viên không trao đổi với cha mẹ (có nghĩa là 0 phút). 30 phút là số phút trò chuyện với cha mẹ xuất hiện nhiều nhất trong nghiên cứu này.

4.4.2. Về hành vi phản ứng trước lời khuyên đúng của cha mẹ

Bảng 3. Hành vi phản ứng trước lời khuyên đúng của cha mẹ

	Tần số	Phần trăm (%)
Nghe lời, không phản ứng	25	8,3
Không nghe và bỏ đi chỗ khác	35	11,7
Tranh cãi vì cho là mình đúng	72	24
Im lặng nhưng cảm thấy bức tức	126	42
Phản ứng khác	42	14
Tổng	300	100

Kết quả phân tích từ Bảng 3 cho thấy, khi cha mẹ đưa ra lời khuyên đúng, học sinh và sinh viên có những phản ứng khác nhau. Chiếm tỷ lệ cao nhất với 42% là im lặng nhưng cảm thấy bức tức. Tiếp theo là sẵn sàng tranh cãi vì cho là mình đúng chiếm 24%. Có 11,7% không nghe và bỏ đi chỗ khác. Có một tỷ lệ rất nhỏ với 8,3% học sinh, sinh viên là nghe lời và không phản ứng gì. Trong truyền thống văn hóa của dân tộc, hiểu là phải biết nghe lời khuyên dạy của cha mẹ, nhất là khi cha mẹ khuyên những điều đúng. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này cho thấy sinh viên, học sinh hầu hết là có những phản ứng tiêu cực lại lời khuyên của cha mẹ. Điều này khác hẳn với câu ca dao mà học sinh, sinh viên trong nghiên cứu này yêu thích:

*“Cá không ăn muối cá won
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư”*
(Tục ngữ dân gian)

Khi phân tích bảng chéo giữa mức độ đồng ý về các tiêu chí của người con có hiểu chia theo mức độ phản ứng với lời khuyên của cha mẹ (Bảng 4), chúng ta thấy rằng, những cá nhân có mức độ hoàn toàn đồng ý với các tiêu chí về người con có hiểu lại có xu hướng rất thường xuyên phản ứng lại lời khuyên của cha mẹ (78,3%).

Bảng 4. Sự đồng ý về quan niệm chữ hiểu chia theo mức độ phản ứng lời khuyên của cha mẹ.

Mức độ phản ứng lại lời khuyên của cha mẹ (%)	Mức độ đồng ý về các tiêu chí của người con có hiểu (%)				
	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không bao giờ đồng ý
Rất thường xuyên	78,3	54,1	57,9	53,3	57,9
Thường xuyên	19,2	36,6	34,2	40,9	37,1
Thỉnh thoảng	2,5	2,4	3,4	1,8	1,3
Hiếm khi		0,7	1	1,2	
Không bao giờ		6,1	3,4	2,7	3,7
Tổng	100	100	100	100	100

Điều này cho thấy, giữa quan niệm về chữ hiểu và hành vi phản ứng không phải là quan hệ cùng chiều. Những học sinh, sinh viên có thái độ đúng về chữ hiểu thì mâu thuẫn với hành vi thực tế của mình, có nghĩa họ là nhóm có sự

phản ứng lại lời khuyên của cha mẹ nhiều hơn các nhóm khác. Xét về khía cạnh thực tiễn, hành vi ứng xử ra bên ngoài được thể hiện bằng hành động sẽ dùng làm căn cứ để đánh giá mức độ “hiểu thảo”. Điều này có ý nghĩa hơn là những

quan niệm, thái độ, kiến thức bên trong đầu của họ.

4.4.3. Hành vi phản ứng khi cha mẹ phạt bằng “đòn roi”

Tổng hợp bảng hỏi điều tra dựa trên 300 học sinh, sinh viên tỷ lệ học sinh chấp nhận hình phạt bằng đòn roi vì nhận thấy mình có lỗi chiếm tỷ lệ cao nhất với 42,7% (128 trường hợp). Đứng thứ hai với 25,3% (76 trường hợp) chấp nhận nhưng tức giận. Các hình thức phản ứng như bỏ chạy 5% (15 trường hợp), phản ứng khác 3% (9 trường hợp). Cá biệt, có một số trường hợp chống trả lại bằng bạo lực, nhưng chiếm tỷ lệ thấp không đáng kể, chỉ 1,3% (4 trường hợp). Như vậy, hành vi ứng xử khi bị phạt bằng đòn roi của học sinh, sinh viên phần lớn là chấp nhận và không có phản ứng. Như trường hợp một học sinh tên V, nữ 17 tuổi cho biết: “Tại vì em hay đi chơi về khuya nên mẹ em rất tức giận, lúc đó bắt em nằm xuống giường đánh cho mấy cây. Em đau lắm nhưng thấy mình sai nên chỉ biết khóc thôi”. Một số trường hợp chấp nhận hình phạt nhưng bực tức như học sinh T, nam 15 tuổi: “Ba mẹ cấm em chơi game ngoài tiệm, em học cả ngày mệt quá nên trốn đi chơi một tí thì bị ba bắt về đập một trận. Em cảm thấy ức chế lắm, nhiều khi bực quá muốn bỏ nhà đi cho rồi”.

Đây là cách lựa chọn ứng xử phù hợp với chữ hiếu trong nền văn hóa Việt Nam. Tục ngữ dân gian Việt Nam có câu:

“Mẹ cha là biển là trời

Nói sao hay vậy, đâu dám cãi lời mẹ cha”

(Tục ngữ dân gian)

Tuy trong một số hoàn cảnh, không phải chọn sự im lặng chịu đựng mới là có hiếu. Nhưng với truyền thống văn hóa Việt Nam, làm con phải nghe lời khuyên của cha mẹ, thậm chí cha mẹ phạt “đòn roi” mà không phản kháng mới được xem là đúng đạo lý và được đa số chấp nhận.

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 5 cho thấy, những học sinh và sinh viên thuộc nhóm có mức độ rất đồng ý về các tiêu chí của người con có hiếu chiếm tỷ lệ cao về sự chấp nhận nhưng tức giận khi bị cha mẹ phạt bằng “đòn roi” (34,8%) hơn các nhóm có mức độ khác. Và đây cũng là nhóm có hình thức phản ứng lại bằng cách bỏ chạy cao hơn so với các nhóm khác (7%). Xét một cách tổng thể, nhóm học sinh, sinh viên đồng ý (bao gồm cả nhóm rất đồng ý và đồng ý) về các tiêu chí của người con có hiếu có xu hướng chấp nhận việc cha mẹ phạt “đòn roi” nếu bản thân có lỗi với tỷ lệ lần lượt là 54,9% và 57,9%.

Bảng 5. Sự đồng ý về quan niệm chữ hiếu chia theo mức độ phản ứng lại hình phạt bằng “đòn roi” của cha mẹ

Mức độ phản ứng lại hình phạt bằng “đòn roi” của cha mẹ (%)	Mức độ đồng ý về các tiêu chí của người con có hiếu (%)				
	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không ý kiến
Chấp nhận vì có lỗi	54,9	57,9	41,9	73,0	38,9
Chấp nhận nhưng tức giận	34,8	29,0	32,4	24,3	41,3
Bỏ chạy	7,0	6,2	5,7	2,7	3,2
Chống trả bằng bạo lực	0,7	1,9	18,1		3,2
Khác	2,7	5,0	1,9		13,5
Tổng	100	100	100	100	100

Trong thời đại của khoa học và công nghệ, con người không ngừng trau dồi tri thức để kiến tạo cuộc sống cá nhân và góp sức xây dựng quê hương đất nước. Bên cạnh đó, sự hội nhập văn hóa diễn ra sâu rộng, nhất là với giới trẻ. Nhưng

không vì thế, chúng ta bỏ quên các giá trị truyền thống tốt đẹp. Trong những giá trị truyền thống đó, chữ hiếu hay là đạo hiếu của người làm con đối với cha mẹ phải được đặt lên hàng đầu. Muốn duy trì giá trị truyền thống tốt đẹp này,

người làm cha mẹ phải giáo dục con em của mình ngay khi còn nhỏ và cha mẹ phải là tấm gương sáng cho con noi theo. Với nhà trường, bên cạnh đào tạo người học thành danh thì cũng phải song song đào tạo người học thành nhân. Muốn vậy, nhà trường cần quan tâm đến sự giáo dục về chữ hiếu cho các em học sinh, sinh viên. Các kiến thức về lịch sử, nhất là các tấm gương sáng về chữ hiếu của danh nhân văn hóa nổi bật của dân tộc phải được truyền đạt đến các em. Đạo hiếu nếu được khuyến khích trong học sinh, sinh viên sẽ là nền tảng để phát triển một gia đình bền vững và chính là góp phần kiến tạo một xã hội giàu đẹp.

5. Kết luận

Nghiên cứu này cho thấy, phần lớn học sinh và sinh viên có quan niệm về chữ hiếu khá gần với chữ hiếu của nền văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, rất nhiều học sinh, sinh viên đồng ý với các tiêu chí về chữ hiếu của một người con đối với cha mẹ. Ngược lại, các kiến thức liên quan đến chữ hiếu như các danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử có chỉ dạy về chữ hiếu lại khá thấp. Thậm chí, có những trường hợp trả lời sai nội dung, hoặc nhầm về nguồn gốc của những người này. Về hành vi ứng xử, phần lớn học sinh và sinh viên biết lắng nghe lời khuyên của cha mẹ, đa số đều chấp nhận hình phạt bằng “đòn roi” từ cha mẹ. Nhưng có một tỷ lệ lớn cảm thấy bức tức, nóng giận vì nghĩ mình không làm sai. Như vậy, những học sinh và sinh viên có sự đồng ý cao về các tiêu chí của người con có hiếu, có nghĩa là có quan niệm đúng về chữ hiếu thường có xu hướng chấp nhận hình phạt từ cha mẹ.

Tuy nhiên, nghiên cứu này còn hạn chế về phương pháp chọn mẫu, dung lượng mẫu chưa nhiều, tính đại diện chưa cao, việc khai thác các dữ liệu từ phương pháp phỏng vấn sâu và dữ liệu định tính có sẵn khác còn hạn chế. Các dữ liệu từ phương pháp định lượng chưa được tận dụng, chủ yếu là thống kê mô tả.... Các nghiên cứu tiếp theo với quy mô rộng, khắc phục những hạn chế trên sẽ có những kết quả tin cậy hơn góp phần thực hiện mục tiêu góp phần duy trì bền vững các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2007a). *Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy*. Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2007b). *Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*. Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*. Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Trí Bửu (2013). Chữ Hiếu (忠). <http://www.daophatngaynay.com/n/van-hoa/vu-lan/13979-chu-hieu.html>. Truy cập ngày 13-8-2018
- Phan Huy Chú (Soạn giả). Viện Sử học (biên dịch) (2005). *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1. Nxb Giáo dục.
- Nghiêm Sĩ Liêm (2001). *Vai trò của gia đình đối với việc giáo dục thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Lý (2000). *Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2000). *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 3. Nxb Chính trị Quốc gia.
- Phạm Côn Sơn (2006). *Nề nếp gia phong*. Nxb Thanh niên.
- Nguyễn Q. Thắng (Người dịch) (2000). *Lê Triều hình luật (Bộ luật Hồng Đức)*. Nxb Văn hóa – Thông tin.
- Thủ tướng chính phủ (2015). *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*. Ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ.
- Nguyễn Trãi (2017). Ngọc Hồ và Nhất Tâm (chú giải). *Gia huấn ca*. Nxb Hội nhà văn.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb Hồng Đức.
- Hà Thị Yên (2014). *Những biến đổi đạo đức của gia đình truyền thống trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay*. Luận văn Thạc sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.